

Hà Nội, ngày 16 tháng 01 năm 2026

THƯ MỜI CHÀO GIÁ

Kính gửi:

Viện Huyết học – Truyền máu Trung ương đang có kế hoạch lựa chọn nhà thầu gói thầu “Cung cấp dịch vụ vệ sinh”, cụ thể như sau:

TT	Danh mục	Đơn vị tính	Số lượng
1	Cung cấp dịch vụ vệ sinh	Tháng	24

Chi tiết yêu cầu kỹ thuật và các yêu cầu khác xin xem phụ lục đính kèm

Kính đề nghị Quý Công ty tham khảo và cung cấp báo giá, phương án thực hiện (nếu có) tới Viện Huyết học – Truyền máu Trung ương.

1. Mục đích báo giá: Làm cơ sở xây dựng kế hoạch lựa chọn nhà thầu.

2. Thời hạn gửi báo giá: Trước 16h00, ngày 28 tháng 01 năm 2026.

3. Yêu cầu báo giá:

- Về giá: Giá theo thị trường đã bao gồm thuế VAT và tất cả các loại thuế, phí, lệ phí liên quan.
- Về khối lượng, chất lượng: Nhà thầu đáp ứng đầy đủ tiêu chuẩn kỹ thuật, chất lượng dịch vụ và các nội dung theo yêu cầu của thư chào giá.
- Báo giá có hiệu lực tối thiểu 12 tháng kể từ ngày phát hành.
- Gửi kèm bản sao giấy phép Đăng ký kinh doanh có đóng dấu của Quý Công ty.

4. Hình thức gửi báo giá: Đề nghị Quý Công ty gửi bản cứng (có ký và đóng dấu), gửi trực tiếp hoặc theo đường bưu điện (trường hợp gửi bưu điện thời gian nhận báo giá phải trước thời hạn gửi báo giá quy định tại mục 2).

5. Địa điểm nhận báo giá: Phòng 132, bộ phận Văn thư, Viện Huyết học – Truyền máu Trung ương, Phố Phạm Văn Bạch, Phường Yên Hòa - Quận Cầu Giấy - Hà Nội.

6. Cần tìm hiểu thêm thông tin: Xin liên hệ Trưởng phòng Quản trị: ThS. Nguyễn Thị Quỳnh Chi 024.37821895 (683).

Quý đơn vị có quyền góp ý nếu thông tin trên chưa đầy đủ, có tính chất chỉ định hoặc có phương án đề xuất với mục đích sản phẩm và dịch vụ có chất lượng tốt hơn, hiệu quả hơn xin vui lòng góp ý. Viện sẽ xem xét hoàn thiện hồ sơ theo đúng các quy định hiện hành của nhà nước.

KT. VIỆN TRƯỞNG

PHÓ VIỆN TRƯỞNG



Lê Lâm

Phụ lục: YÊU CẦU KỸ THUẬT VÀ CÁC YÊU CẦU KHÁC

I. Thời gian thực hiện hợp đồng: 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.

II. Thời hạn thanh toán: Trong vòng 90 ngày kể từ ngày nhà thầu cung cấp đủ chứng từ thanh toán.

III. Yêu cầu kỹ thuật:

1. Yêu cầu nhân lực tối thiểu tại các vị trí làm việc và dự phòng:

1.1 Yêu cầu nhân lực tối thiểu tại các vị trí làm việc:

- Ca 1 (8 tiếng): 6h00 - 11h00 và 13h00 - 16h00
- Ca 2 (2 tiếng): 11h00 - 13h00
- Ca 3 (4 tiếng): 16h00 - 20h00
- Ca 4 (10 tiếng): 20h00 đến 6h00 sáng hôm sau

TT	Vị trí làm việc	Đơn vị tính	Từ thứ hai đến thứ sáu hàng tuần				Thứ bảy, chủ nhật và ngày lễ			
			Ca 1	Ca 2	Ca 3	Ca 4	Ca 1	Ca 2	Ca 3	Ca 4
I	Nhà H	Người	48	12	15	9	43	10	10	9
1	H1 (Khoa Chẩn đoán hình ảnh và TDCN)*		1				1			
	H1(Khu vực phòng khám)*		3	1	1		3	0,5	0,5	
	H1 (Khu vực cấp cứu)*		2	1	1	1	2	0,5		1
2	H2*		3	1	1		3	0,5	0,5	
3	Hemophilia*		3	1	1	1	3	1	1	1
4	Thalasamia (khu vực nội trú và ngoại trú)*		4	1	1	1	3	1	1	1
5	H4*		5	1	1	1	5	1	1	1
6	H5*		5	1	1	1	5	1	1	1
7	H6*		5	1	2	1	5	1	1	1
8	H7*		7	1	3	1	7	1	1	1
9	Khoa ghép tế bào gốc*		3	2	2	1	3	2	2	1
10	Khoa HSCC*		2	1	1	1	2	1	1	1
11	H9		1				1			
12	H10		1							
13	H11*		2							
14	H12, H13		1							
II	Nhà T	Người	13	9	5,5	0	10,5	5	5	0
1	T1, sảnh truyền máu		2	1	0,5		2	0,5	0,5	
2	Hội trường T2		2	2	0,5		2	0,5	0,5	
3	T2*		2	2	0,5		1	0,5	0,5	

TT	Vị trí làm việc	Đơn vị tính	Từ thứ hai đến thứ sáu hàng tuần				Thứ bảy, chủ nhật và ngày lễ				
			Ca 1	Ca 2	Ca 3	Ca 4	Ca 1	Ca 2	Ca 3	Ca 4	
4	T3*		2	2	2		2	2	2		
5	T4*		2	1	1		2	1	1		
6	T5*		1				0,5				
7	T6		1	1	1		1	0,5	0,5		
8	T7, T8		1								
III	Nhà D	Người	5	2	2	0	2	0,5	1	0	
1	D1, Hệ thống thoát nước xung quanh D1		1		2		2	0,5	1		
2	D2		2	1							
3	D3 (văn phòng khoa Dinh Dưỡng) và D5		1	1							
4	Khoa KSNK		1								
IV	Ngoại cảnh	Người	3	0	0,5	0	2	0	0	0	
1	Khu cổng số 1 cho đến trạm biến áp, phòng khám cách ly, būt bảo vệ số 1 và nhà bảo vệ số 2		1	0,5			2				
2	Khu cổng số 2, nhà bảo vệ số 3, sân nhà T, khu sân khấu, mặt trước khu sân khấu.		1								
3	Khu cổng số 3, tổ xe, nhà thuốc, nhà rác, khuôn viên từ cổng số 3 đến trạm biến áp.		1								
V	Khu vực khác	Người	11	1	2	0	9,5	0,5	2	0	
1	Thang máy, 03 mái kính nhà H, T, D		1				1		0		
2	Thang bộ nhà H, T, D		2				1				
3	Đánh sàn, gạt kính		2				4				
4	- Vận chuyển rác		5	1	2		3	0,5	2		
	- Xử lý rác tái chế, sắp xếp kho bìa										
	- Vệ sinh nhà rác, thùng rác 240 lít										
5	Giặt tải lau, đầu lau, khăn lau, thảm lau và vệ sinh 03 thang bộ từ T6 đến T8		1				0,5				
V	Giám sát	Người	3	1	1	0	1	0	0	0	
1	Giám sát ngoại cảnh và khu vực lưu trữ chất thải		1	0,5	0,5		0,5				
2	Giám sát nhà H, T và nhà D		2	0,5	0,5		0,5				
VI.	Tổng cộng	Người	83	25	26	9	68	16	18	9	

Ghi chú:

- Những khu vực được đánh dấu “*” là khu vực lâm sàng và labo.
- Phương pháp nghiệm thu nhân lực hàng ngày: 100% nhân viên vệ sinh thực hiện chăm công vân tay hàng ngày bằng hệ thống chấm công của chủ đầu tư.
- 100% nhân viên làm sạch tại các khoa lâm sàng và labo có chứng nhận đào tạo về vệ sinh môi trường trong các cơ sở khám chữa bệnh (photo chứng chỉ/giấy chứng nhận).

1.2 Yêu cầu nhân lực dự phòng: Nhân sự dự phòng tối thiểu $\geq 10\%$ tổng số nhân lực. Nhân lực dự phòng sẵn sàng thay thế trong vòng ≤ 24 giờ khi có nhân sự nghỉ ốm, nghỉ việc, hoặc bị yêu cầu thay thế. Danh sách nhân sự dự phòng phải kê khai trong HSDT.

2. Yêu cầu tối thiểu về thiết bị:

TT	Loại thiết bị và đặc điểm thiết bị	Đơn vị tính	Số lượng tối thiểu
1	Máy giặt: Trọng lượng giặt ≥ 8 kg	Chiếc	2
2	Máy sấy: Trọng lượng sấy ≥ 8 kg	Chiếc	2
3	Máy đánh sàn: Công suất ≥ 1.500 W, độ ồn ≤ 60 DB (Sản xuất từ năm 2018 trở về đây, có tài liệu chứng minh)	Chiếc	3
4	Máy hút bụi, hút nước: Công suất ≥ 2.000 W, độ ồn ≤ 70 DB (Sản xuất từ năm 2018 trở về đây, có tài liệu chứng minh)	Chiếc	3

3. Yêu cầu tối thiểu về dụng cụ và bảo hộ lao động hàng ngày:

TT	Tên thiết bị, dụng cụ	Đơn vị tính	Số lượng tối thiểu
1	Đồng phục, dép, thẻ đeo	Bộ	160
2	Khẩu trang	Cái	82
3	Thang nhôm	Cái	2
4	Xe đẩy đa năng	Cái	50
5	Biển báo chữ A	Cái	100
6	Cây đẩy chữ T	Cái	80
7	Ủng	Đôi	80
8	Bộ dụng cụ lau kính (cây gạt, thanh gạt và bông trà)	Bộ	10
9	Cây đẩy khô	Cái	80
10	Bộ lau ướt xoay	Bộ	8
11	Tải lau 4 màu	Cái	600
12	Thanh gạt nước	Cái	55
13	Đầu lau sàn khô	Cái	200

TT	Tên thiết bị, dụng cụ	Đơn vị tính	Số lượng tối thiểu
14	Cây gạt nước	Cái	55
15	Bàn chải cọ sàn nhà, WC	Cái	76
16	Chổi nhựa	Cái	130
17	Khăn lau các loại	Cái	300
18	Phớt cọ	Cái	200
19	Bình xịt nhựa	Cái	76
20	Hót rác nhựa cán dài	Cái	76
21	Giỏ vắt	Cái	20
22	Găng tay cao su	Cái	80
23	Găng tay vải	Cái	80
24	Phất trần	Cái	70
25	Dao cạo sàn	Cái	100
26	Dao cạo kính	Cái	100
27	Các công cụ, dụng cụ khác theo yêu cầu của công việc, nhà thầu cung cấp theo nhu cầu thực tế		

4. Yêu cầu về hóa chất:

Nhà thầu tự đề xuất trong bảng đề xuất quy trình kỹ thuật thuật làm sạch và kế hoạch thực hiện các hạng mục theo yêu cầu chất lượng. Căn cứ vào hoá chất nhà thầu chào và khối lượng công việc theo từng khu vực, chủ đầu tư sẽ đưa ra định mức hoá chất sử dụng trong hợp đồng.

5. Yêu cầu về chất lượng:

Hệ thống cửa:

- Cửa ra vào: tay nắm sạch, cửa không có vết tay, khe gờ cửa không có bụi, không có mạng nhện.
- Cửa gỗ: khe, gờ cửa không bụi, không có vết bẩn bám, không có mạng nhện.
- Cửa sổ, chớp: các viền gờ, các khe cửa, song cửa không bụi, kính không có vết, không có mạng nhện.
- Cửa kính khung nhôm (sắt): kính không có vết, không có vết nước tại gờ cửa; khung nhôm không bụi, sáng đều, không có vết lau, không có mạng nhện
- Cửa lưới: không bụi bám, không côn trùng mắc trên các mắt lưới, không có mạng nhện
- Cửa kính: kính sạch, sáng, không vết nước đọng trên kính và tại khe cửa, không sợi bông khăn lau, không vết tay, không có mạng nhện.

Tường, trần và các vách ngăn:

- Các vách ngăn:

+ Vách ngăn thăm (văn phòng): các gờ không bụi, thăm không có vết bút bi và các vết bẩn nặng.

+ Vách ngăn (gỗ, nhôm, kính): các gờ, khe không bụi; không có vết bẩn nặng bám trên bề mặt, khô; kính không có vết; không có mạng nhện.

- Tường, gờ tường, chân tường, trần: không mạng nhện, không bụi bám, không có vết cây lau nơi chân tường, góc tường không rác nổi hay bột đất đọng. Các bảng, biển, bình cứu hoả, bảng điện... trên tường: không bụi, không vết bẩn lâu ngày.

+ Tường ốp gạch: không bụi, không vết bẩn bám, không có mạng nhện.

+ Tường sơn: không còn rêu mốc, không vết bẩn bám, không có mạng nhện.

+ Trần sơn: không mạng nhện, côn trùng tụ tập, rêu bám.

+ Trần nhựa: không mạng nhện, không bụi, không có những đám côn trùng tụ.

Sàn:

- Mặt sàn sạch đều, không bụi, không vết chân, không vết lau; không vết bẩn nơi các góc khuất, phía dưới bình cứu hoả hay các đồ đạc có thể nhắc lên để vệ sinh. Không để lại mùi tanh.

- Sàn ceramic: mạch gạch sạch, khô ráo, không có vết bẩn bám nặng, không có vết bã kẹo cao su, không để lại mùi tanh.

- Sàn đá, gỗ: mặt sàn sáng đều, khô, không vết lau, không vết bẩn bám lâu ngày.

- Sàn gạch đỏ: mạch gạch sạch, sàn sáng đều, khô ráo, không vết bẩn, rêu bám.

- Sàn xi măng: không rác nổi, bề mặt sạch đều không có bột đất đọng thành vệt.

- Sàn trải thảm: mặt thảm sạch đều, không rác nổi, không vết bẩn loang, không bã kẹo cao su, không có mùi hôi.

- Sàn khu vệ sinh: mạch gạch sạch, khô ráo, không có vết bẩn bám, không nấm mốc, rêu bám, hệ thống thoát nước sàn không bị tắc nơi nắp chắn.

Trang thiết bị vệ sinh

- Hệ thống bồn cầu, bồn tiểu: Bên ngoài: sạch, khô, không có vết bẩn bám; bên trong: không có rác đọng, cặn bám, không có mùi hôi.

- Gương: sáng, không có sợi bông khăn lau, không có vết nước đọng, các mép.

- Gương không bụi.

- Bồn rửa tay: sạch, sáng, không cặn bám, không có tóc... kẹt trong giỏ lọc nước, vòi nước sáng, không có vết nước, không nấm mốc, rêu bám.

- Ngăn giấy vệ sinh: phía ngoài ngăn giấy không bụi, không vết bẩn.

- Ô vệ sinh: sàn, tường vách ngăn sạch, không có mùi hôi.

- Bàn đá: không bụi, khô ráo, không vết lau.

Đồ đạc

- Bàn: mặt bàn và xung quanh sạch, không bụi; không có rác nổi và bụi dưới gầm bàn.

- Tủ lạnh, tủ cá nhân, tủ file tài liệu, Tivi (nếu có): phía ngoài không có bụi, không có vết bẩn bám.

- Giường bệnh, các đồ inox: khung inox sáng đều, không bụi, không vết lau, không vết tay.

- Đèn, quạt cây, quạt thông gió, quạt trần: sạch, không có mạng nhện, không có bụi

bám ở cánh quạt và xung quanh.

- Điều hoà: xung quanh không bụi bám, không có mạng nhện.
- Bàn: mặt bàn sạch, sáng đều, không vết bẩn lâu ngày, mặt bàn và xung quanh không bụi.
- Ghế:
 - + Ghế da: không bụi bám xung quanh.
 - + Ghế nỉ: không có mùi hôi, thành ghế và chân ghế không bụi, không có vết bẩn bám.

Thiết bị văn phòng:

- Máy vi tính: xung quanh màn, CPU không bụi, không có vết bẩn bám; bàn phím sạch các khe chữ không còn bụi bám.
- Máy in, máy fax, máy photo: phía ngoài sạch, không bụi.

Các yêu cầu về thu gom, vận chuyển chất thải:

- Thùng rác: phải có nắp đậy, phía trong không có rác lưu, không bốc mùi hôi, để vị trí phù hợp, phía ngoài sạch, phía dưới thùng không có đất bẩn, nước đọng, phải vệ sinh định kỳ (Phải phân loại đúng túi nylon đựng chất thải y tế và chất thải sinh hoạt).
- Chất thải được thu gom và vận chuyển bằng xe chuyên dụng, mỗi ngày tối thiểu một lần, không được vận chuyển chất thải bằng xách tay, thùng vận chuyển không được kênh nắp và đậy kín.
- Các phương tiện vận chuyển phải được cọ rửa ngay sau khi vận chuyển chất thải.
- Tránh vận chuyển chất thải qua khu vực đông người.
- Khi thu gom, vận chuyển chất thải không để lẫn chất thải nguy hại sang chất thải thông thường. Không để chất thải rơi vãi trong quá trình thu gom, vận chuyển, nếu có phải xử lý lau bằng hoá chất khử khuẩn ngay.

Khu thang bộ/ thoát hiểm:

- Thang sạch, không rác nổi, không bụi, tay vịn sạch, vách tường trong thang không bẩn; đèn thoát hiểm không bụi; các đường gờ gạch, mi tường không có bụi bám...

Khu thang máy:

- Cửa ngoài thang sạch đều, không bụi, không vết vân tay; vách sàn trong thang không bẩn bám, sàn không có bã kẹo cao su, bảng phím bấm sạch, gương không bụi, không bẩn.

6. Yêu cầu cụ thể của hợp đồng:

6.1. Về số lượng nhân viên:

Thực hiện chấm công vân tay như cán bộ công nhân viên của Viện, số người thiếu sẽ bị trừ tiền theo mức lương của nhân viên làm việc trong hồ sơ dự thầu. Ngoài ra:

- Nếu thiếu > 10% nhân lực thì bị phạt 10.000.000 đồng/ngày.
- Nếu thiếu > 60% nhân lực thì nhà thầu bị phạt: 05 % giá trị hợp đồng và chấm dứt hợp đồng.

6.2. Về chứng chỉ/giấy chứng nhận:

- Nếu thiếu chứng chỉ/giấy chứng nhận đào tạo về vệ sinh môi trường trong các cơ sở khám chữa bệnh phạt: 500.000 đồng/chứng chỉ hoặc giấy chứng nhận/người/lần kiểm tra.

6.3. Về chất lượng:

- Căn cứ “Bảng đánh giá chất lượng dịch vụ” hàng ngày: Phạt 1.000.000 đồng/01 ngày không đạt/khoa, phòng.
- Biên bản không đáp ứng về yêu cầu chất lượng (nhà vệ sinh bẩn có mùi, sàn vệ sinh bị ướt,...) nhà thầu bị phạt 1.000.000 đồng/01 biên bản.

6.4. Về ý thức tuân thủ nội quy, quy định của Viện:

Căn cứ biên bản về vi phạm nội quy, quy định của Viện, nhà thầu bị phạt:

- Lần 1: Phạt 1.000.000 đồng/biên bản
- Lần 2: Phạt 3.000.000 đồng/ biên bản
- Từ lần thứ 3: Phạt 5.000.000 đồng/ biên bản

6.5. Phạt về mức độ đáp ứng trang thiết bị máy móc và hóa chất:

- Lần 1: Phạt 500.000 đồng/biên bản
- Lần 2: Phạt 1.000.000 đồng/ biên bản
- Từ lần thứ 3: Phạt 3.000.000 đồng/ biên bản

